

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân,
huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 333/CP-CN ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về việc đính chính Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 68/TTr-SoXD ngày 19 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Vị trí, quy mô phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

a) Vị trí: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu được xác định theo Sơ đồ vị trí khu đất số 371/2024 tỷ lệ 1/2.000 Trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính khu đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện, xác nhận, phát hành ngày 31 tháng 01 năm 2024, có ranh giới giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp đường ranh thị trấn Vĩnh An.

- Phía Nam : Giáp khu xử lý rác thuộc Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

- Phía Đông : Giáp đường quy hoạch ranh thị trấn Vĩnh An và giáp khu xử lý rác thuộc Công ty Cổ phần Môi trường xanh Long Thành.

- Phía Tây : Giáp khu đất dự kiến di dời Nhà máy xử lý và tái chế rác thải của Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: 12.000 m² (12 ha).

c) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất, mục tiêu lập quy hoạch

a) Tính chất: Là Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt theo công nghệ chuyển hóa rác thải thành điện năng.

b) Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu xử lý rác sinh hoạt khu vực thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu và các vùng lân cận bằng công nghệ cao đốt rác - phát điện, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn môi trường, vệ sinh công nghiệp và an toàn, không gây ô nhiễm thứ cấp, thay thế chôn lấp và tiết kiệm quỹ đất, giảm phát thải khí nhà kính.

- Góp phần bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tăng cường khả năng cung cấp cho lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đảm bảo được yêu cầu đầu tư và phù hợp với định hướng công nghệ; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật tính toán phù hợp theo quy chuẩn, quy phạm hiện hành; xác định vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan của dự án; tạo mối liên hệ, thống nhất trong quản lý; tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất: Với tổng diện tích quy hoạch 12.000 m² được quy hoạch chức năng sử dụng đất với cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như sau:

STT	Thành phần	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Tầng hầm tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)
I	KHU LÒ ĐỐT VÀ CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		44.980,47	37,48				
1	Khu lò đốt 1 (gồm lò đốt, Trạm biến áp, ống khói 1)	LD-1	15.227,06	12,69	80	5	2	80
2	Khu lò đốt 2 (gồm lò đốt, ống khói 2)	LD-2	8.906,13	7,42	80	5	2	80
3	Xưởng gạch	KTC-1	5.025,63	4,19	60	2		18
4	Khu phơi gạch	KTC-2	663,00	0,55	100	1		
5	Tháp giải nhiệt, phòng bơm	TGN	1.375,00	1,15	60	1		15
6	Khu lưu trữ tro bay	CLTB	12.798,60	10,67	90	1		10
	Nhà xử lý tro bay	TB-NH	985,05	0,82	70	1		20
	Nhà rác nguy hại							5
II	KHU CHÔN LẤP, TÁI CHẾ TRO XỈ		11.973,87	9,98				
7	Bãi chôn lấp tro xỉ	CLTX	11.973,87	9,98	90	1		25
III	KHU NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ KHÁC		14.421,24	12,02				
8	Văn phòng - Nhà nghỉ - Nhà ăn	NDH	1.326,80	1,11	75	2		8
9	Nhà bảo vệ 1	BV1	28,00	0,02	100	1		3,5
10	Nhà bảo vệ 2	BV2	28,00	0,02	100	1		3,5
11	Nhà xe	NX	489,60	0,41	100	1		4,5
12	Bồn khí amoniac	HTKT-1	9.697,47	8,08	80	1	1	6
	Bồn dầu						1	
	Bể nước sinh hoạt - sản xuất						1	
	Bể nước phòng cháy chữa cháy						1	
	Bể chứa nước sau khi được xử lý từ Trạm xử lý nước thải						1	
	Nhà điều hành xử lý nước thải (2 nhà điều hành)						1	
	Khu xử lý nước sinh hoạt - sản xuất						1	
	Phòng bơm nước							

STT	Thành phần	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Tầng hầm tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)
	sinh hoạt - sản xuất							
	Phòng bơm nước chữa cháy							
	Trạm xử lý nước thải (02 Trạm)						1	
	Khu sản xuất phân bón							
13	Hồ sự cố	HTKT-2	2.851,37	2,38	60	1		
IV	ĐẤT GIAO THÔNG SÂN BÃI	GT-SB	20.936,34	17,45				
14	Bãi đậu xe	25	354,37	0,30				
15	Cổng 1	28	12,00	0,01				
	Cổng 2		24,00	0,02				
16	Trạm rửa xe	26	82,13	0,07				
17	Trạm cân 1	27	36,00	0,03				
	Trạm cân 2		82,13	0,07				
18	Ramp dốc	29	1.207,70	1,01				
19	Đường giao thông sân bãi	GT	19.138,01	15,95				
V	ĐẤT CÂY XANH - MẶT NƯỚC	CX-MN	27.688,08	23,07				
20	Cây xanh chuyên dụng (cách ly)	CX	26.713,50	22,26	5	1		5
21	Mặt nước (Hồ điều hòa)	HĐH	974,58	0,81				
	Tổng cộng		120.000,00	100,00				

b) Phân khu chức năng

- Khu lò đốt và các công trình bảo vệ môi trường: Tổng diện tích 44.980,47m², chiếm tỷ lệ 37,48% diện tích đất toàn dự án. Khu lò đốt và các công trình bảo vệ môi trường được bố trí trên tuyến đường trục chính của khu quy hoạch nhằm tạo thuận lợi cho việc xử lý rác thải. Trong đó:

+ Khu lò đốt 1 (ký hiệu KD-1): Diện tích 15.227,06 m² chiếm tỷ lệ 12,69%, trong đó khu vực lò đốt bố trí tầng hầm để chứa rác theo dây chuyền công nghệ.

+ Khu lò đốt 2 (ký hiệu KD-2): Diện tích 8.906,13 m² chiếm tỷ lệ 7,42%, trong đó khu vực lò đốt bố trí tầng hầm để chứa rác theo dây chuyền công nghệ.

+ Xưởng gạch (ký hiệu KTC-1): Diện tích 5.025,63 m² chiếm tỷ lệ 4,19%.

+ Khu phơi gạch (ký hiệu KTC-2): Diện tích 663,00 m² chiếm tỷ lệ 0,55%.

+ Tháp giải nhiệt, phòng bơm (ký hiệu TGN): Diện tích 1.375,0 m² chiếm tỷ lệ 1,15%.

+ Khu lưu trữ tro bay (*ký hiệu CLTB*): Tổng diện tích 12.798,60 m² chiếm tỷ lệ 10,67%.

+ Nhà xử lý tro bay, nhà rác nguy hại (*ký hiệu TB-NH*): Tổng diện tích 985,05 m² chiếm tỷ lệ 0,82%.

- Khu chôn lấp, tái chế tro xỉ (*ký hiệu CLTX*): Diện tích 11.973,87 m² chiếm 9,98% diện tích đất toàn dự án; được bố trí ở phía Tây khu đất gần khu vực lò đốt nhằm tạo thuận lợi cho việc chôn lấp, tái chế tro xỉ.

- Khu nhà điều hành và các công trình phụ trợ khác: Tổng diện tích 14.421,24 m² chiếm 12,02% diện tích đất toàn dự án; được bố trí ngay tại cổng chính của dự án nhằm tạo cảnh quan cũng như thuận lợi cho việc quản lý điều hành. Trong khu này dự kiến bố trí các công trình như sau:

+ Khu nhà văn phòng, nhà nghỉ và nhà ăn (*ký hiệu NDH*): Diện tích 1.326,80 m² chiếm 1,11% diện tích đất toàn dự án.

+ Khu nhà bảo vệ (*ký hiệu BV*): Bố trí 02 nhà bảo vệ có tổng diện tích 56,00 m² chiếm tỷ lệ 0,04% diện tích đất toàn dự án.

+ Nhà xe (*ký hiệu NX*): Tổng diện tích 489,60 m² chiếm tỷ lệ 0,41% diện tích đất toàn dự án.

+ Khu hạ tầng kỹ thuật (*ký hiệu HTKT-1*): Tổng diện tích 9.697,47 m² chiếm 8,08% diện tích đất toàn dự án. Khu đất được bố trí nằm giữa 02 Khu lò đốt để thuận lợi cho việc cung cấp nước và thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dây chuyền công nghệ đốt rác. Khu hạ tầng kỹ thuật bố trí các công trình, như: Khu sản xuất phân bón, Khu vực xử lý nước sinh hoạt - sản xuất, Phòng bơm nước sinh hoạt - sản xuất, bể nước phòng cháy chữa cháy, 02 Trạm xử lý nước thải, bể chứa nước sau khi được xử lý từ Trạm xử lý nước thải, 02 Nhà điều hành xử lý nước thải, bồn khí amoniac, bồn dầu.

+ Hồ sự cố (*ký hiệu HTKT-2*): Diện tích 2.851,37 m² chiếm 2,38% diện tích đất toàn dự án. Hồ sự cố được bố trí tại khu đất phía Nam dự án, gần với khu vực đất hạ tầng kỹ thuật.

- Đất giao thông sân bãi (*ký hiệu GT-SB*): Tổng diện tích 20.936,34 m² chiếm 17,45% diện tích đất toàn dự án. Khung giao thông của dự án được chia theo 02 hướng chính Đông - Tây và Bắc - Nam tạo thuận lợi cho việc tiếp cận các khu chức năng. Bãi đậu xe có diện tích 354,37 m² được bố trí nằm dọc trên tuyến đường trục chính NB1.

- Đất cây xanh, mặt nước (*ký hiệu CX-MN*): Diện tích 27.688,08 m² chiếm 23,07% diện tích đất toàn dự án. Trong đó:

+ Đất cây xanh cách ly (*ký hiệu CX*): Diện tích 26.713,50 m², chiếm tỷ lệ 22,26% diện tích đất toàn dự án. Bố trí khoảng cây xanh cách ly tối thiểu 20 m theo quy định tại phía Bắc, phía Đông giáp đường ranh thị trấn Vĩnh An.

+ Đất mặt nước (*ký hiệu HĐH*): Diện tích 974,58 m² chiếm 0,81% diện tích đất toàn dự án. Hồ điều hòa bố trí ở điểm tụ thủy phía Đông dự án để tham gia điều tiết nước mưa và thoát nước ra suối hiện hữu.

4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Khu lò đốt và các công trình bảo vệ môi trường

- Khu lò đốt 1 (ký hiệu *KD-1*): Mật độ xây dựng tối đa 80%. Tầng cao tối đa 05 tầng. Tầng hầm chứa rác tối đa 02 tầng. Chiều cao tối đa 80 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Khu lò đốt 2 (ký hiệu *KD-2*): Mật độ xây dựng tối đa 80%. Tầng cao tối đa 05 tầng. Tầng hầm chứa rác tối đa 02 tầng. Chiều cao tối đa 80 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Xưởng gạch (ký hiệu *KTC-1*): Mật độ xây dựng tối đa 60%. Tầng cao tối đa 02 tầng. Chiều cao tối đa 18 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Khu phơi gạch (ký hiệu *KTC-2*): Mật độ xây dựng tối đa 100%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

b) Tháp giải nhiệt, phòng bơm (ký hiệu *TGN*): Mật độ xây dựng tối đa 60%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa 15 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

c) Khu lưu trữ tro bay (ký hiệu *CLTB*): Mật độ xây dựng tối đa 90%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa 10 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

d) Nhà xử lý tro bay, nhà rác nguy hại (ký hiệu *TB-NH*): Mật độ xây dựng tối đa 70%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa: Nhà xử lý tro bay là 20 m và nhà rác nguy hại là 5,0 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

đ) Khu chôn lấp, tái chế tro xỉ (ký hiệu *CLTX*): Mật độ xây dựng tối đa 90%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa 25 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

e) Khu nhà điều hành và các công trình phụ trợ khác

- Khu văn phòng, nhà nghỉ và nhà ăn (ký hiệu *NDH*): Mật độ xây dựng tối đa 75%. Tầng cao tối đa 02 tầng. Chiều cao tối đa 8,0 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Khu nhà bảo vệ (ký hiệu *BV*): Mật độ xây dựng tối đa 100%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa 3,5 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Nhà xe (ký hiệu *NX*): Mật độ xây dựng tối đa 100%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa 4,5 m. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Khu hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu *HTKT-1*): Mật độ xây dựng tối đa 80%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Tầng hầm tối đa 01 tầng. Chiều cao tối đa 6m. Trong đó các công trình gồm: bồn khí amoniac, bồn dầu, bể nước sinh hoạt - sản xuất, khu xử lý nước sinh hoạt - sản xuất, bể nước phòng cháy chữa cháy, bể chứa nước sau khi được xử lý từ Trạm xử lý nước thải, 02 nhà điều hành xử lý nước thải được bố trí tại tầng hầm. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

- Hồ sự cố (ký hiệu *HTKT-2*): Mật độ xây dựng tối đa 60%. Tầng cao tối đa 01 tầng. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

g) Đất giao thông sân bãi (ký hiệu *GT-SB*): Bố trí đất giao thông theo quy định và bãi xe phù hợp với hoạt động tại các khu chức năng.

h) Đất cây xanh, mặt nước (*ký hiệu CX-MN*): Các điểm nhấn kiến trúc cảnh quan trong dự án là khu vực cây xanh cách ly và hồ điều hòa phía Đông dự án. Diện tích đất cây xanh 26.713,50 m². Số tầng tối đa 01 tầng. Chiều cao xây dựng tối đa 5,0 m. Mật độ xây dựng tối đa 5%. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu 0 m.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đường theo quy hoạch chung xã Vĩnh Tân - Đây là tuyến đường quy hoạch trên địa bàn xã Vĩnh Tân tiếp giáp về phía Bắc và phía Đông dự án, lộ giới quy hoạch 32,0 m, khoảng lùi xây dựng mỗi bên 2 x 10,0 m = 20,0 m.

- Giao thông đối nội:

+ Đường trục chính gồm: Đường NB1 chia làm 3 đoạn với 03 mặt cắt có lộ giới 7,0 m - 9,0 m - 12,0 m; Đường NB10 chia làm 2 đoạn với 02 mặt cắt có lộ giới 21,0 m; Đường NB7 (*mặt cắt 4-4*), NB8 (*mặt cắt 10-10*) có lộ giới 10 m.

+ Đường nội bộ bao gồm: Đường NB2, NB3, NB5, NB11 có lộ giới 6,0 m; Đường NB4, NB6, NB9, NB12 có lộ giới 8,0 m.

- Bãi đậu xe: Bố trí 01 bãi đậu xe chở rác.

b) San nền

- Giải pháp san nền: Chủ yếu là san lấp cục bộ của từng khu vực, đào gạt phần đất cao xuống phần đất thấp, tận dụng khối lượng đào để đắp nhằm hạn chế tối đa việc khối lượng đất đắp phải chuyển đến.

- Hướng dốc san nền theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam.

- Cao độ san nền cao nhất: +67,5 m. Thấp nhất: +64,0 m. Độ dốc san nền tối thiểu 0,1%;

c) Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực quy hoạch được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Hướng thoát nước dựa vào địa hình san nền và đảm bảo độ dốc thoát nước về phía Đông của khu vực quy hoạch. Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp quản lý chất thải phù hợp: Trong nội vi khu xử lý, rác thải được vận chuyển đến các bể chứa rác tại khu vực lò đốt bằng xe chuyên dùng, có trang bị che chắn nhằm đảm bảo không để rơi vãi rác thải trong quá trình di chuyển. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý được đầu tư đồng bộ, góp phần hạn chế tình trạng chất thải bị cuốn theo nước mưa, qua đó giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Nước mưa được gom về các tuyến cống bê tông cốt thép D400, D600, D800, D1000, D1200, cống hộp đặt dọc các tuyến đường nội bộ và mương thu nước bê tông cốt thép B400 đặt dọc theo ranh của dự án dẫn về hồ điều hòa phía Đông sử dụng tưới cây, rửa đường. Nước sau khi thu gom được quản lý và kiểm soát chất lượng nước đầu ra của dự án trước khi thoát ra suối hiện hữu phía Đông dự án thông qua hệ thống cống hộp đôi kích thước (1.200 x 1.200 mm).

d) Hệ thống cấp nước - phòng cháy chữa cháy

- Nguồn cung cấp nước: Nguồn cấp nước dự kiến lấy từ Hồ Trị An ở phía Đông Bắc cách dự án khoảng 5km, cụ thể: đường ống dẫn nước thô từ hồ trị An (gần khu vực đập Cây Gáo) → tuyến ĐT.761 → đường ranh thị trấn Vĩnh An → dự án (các tuyến ống cấp nước HPDE D300 đặt ngầm dọc theo đường giao thông hiện hữu).

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu cấp nước khoảng 2.500 m³/ngày, trong đó:

+ Nước cấp cho công nghệ đốt rác phát điện 1.904 m³/ngày (nước khử khoáng cấp lò hơi, nước cho hệ thống làm mát tuần hoàn, tháp giải nhiệt, nước cấp cho xử lý khí thải, ...);

+ Nước phục vụ sinh hoạt cho nhân viên, tưới cây rửa đường, sản xuất gạch, rửa sàn, rửa xe và thiết bị: 310,6 m³/ngày.đêm;

+ Nước cấp cho phòng cháy chữa cháy khi cần: 800 m³

+ Nước thất thoát: 285,40 m³/ngày.đêm;

- Vị trí đầu nối: Phía Bắc giáp ranh dự án trên tuyến đường ranh thị trấn Vĩnh An.

- Phương án cấp nước: Nước thô từ Hồ Trị An được dẫn về cụm bể xử lý nước sinh hoạt - sản xuất thông qua hệ thống đường ống HDPE Ø250. Nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn về cấp nước sinh hoạt - sản xuất sẽ được đưa về bể chứa và cấp cho các công trình trong Nhà máy.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế mạng lưới đường ống dạng mạch vòng khép kín, từ cụm bể xử lý nước sinh hoạt - sản xuất thiết kế đường ống cấp nước chính chạy dọc trên vỉa hè các tuyến đường, sử dụng đường ống HDPE Ø60-90 (đối với đường ống cấp nước sinh hoạt - sản xuất) và HDPE Ø200-300 (đối với đường ống cấp nước phòng cháy chữa cháy).

- Ống cấp nước phòng cháy chữa cháy dùng loại sắt tráng kẽm DN200 được chôn dọc theo đường giao thông nội bộ tối thiểu 0,7 m, Khoảng cách tối đa giữa các trụ chữa cháy không vượt quá 150 m.

- Hệ thống tưới cây xanh trong khu quy hoạch là hệ thống tưới nước tự động. Ngoài ra nước từ hồ điều hòa được sử dụng để tưới cây, rửa đường và chữa cháy.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm liên hệ ngành cấp nước để xác định vị trí đầu nối, công suất, v.v... và các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong quá trình lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật.

đ) Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

+ Nước thải trong khu dự án, gồm: Nước thải sinh hoạt từ Khu hành chính, nước rỉ rác, nước thải từ công nghệ đốt rác phát điện (nước xả đáy lò hơi, nước thải phòng thí nghiệm, nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp - khí thải, nước vệ

sinh máy móc, thiết bị, xe chở rác,...), nước vệ sinh máy móc, thiết bị, nhà xưởng; Tổng lưu lượng nước thải của dự án 724,44 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE Ø300 dẫn về Trạm xử lý nước thải (02 Trạm xử lý nước thải với tổng công suất 800 m³/ngày.đêm). Nước thải sau được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và quy chuẩn, quy định về sử dụng nước thải, sau đó được lưu trữ tại bể chứa để tái sử dụng cho các hoạt động của Nhà máy (*bùn nước cho cụm bể tháp giải nhiệt, cung cấp nước cho tuabin lò hơi và hệ thống phun sương chống bụi cho dây chuyền đốt, tưới cây, rửa đường*) được cơ quan có thẩm quyền ban hành mới có thể được tái sử dụng tưới cây, rửa đường, rửa xe, rửa sàn, sản xuất gạch,... Không xả nước thải sau xử lý ra ngoài ranh dự án.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc quá tải, nước thải sẽ được bơm về hồ sự cố. Hồ sự cố được thiết kế chống thấm, có khả năng thu hồi nước thải để xử lý lại, đảm bảo không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường.

+ Mạng lưới đường ống nước thải là các đường ống HPDE đường kính D300 mm độ dốc tối thiểu 0,5% và độ sâu chôn ống tối thiểu 0,7 m. Phù hợp với QCVN 07-2023.

- Giải pháp xử lý chất thải rắn

+ Chất thải rắn phát sinh bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (*xi lò, bùn từ bể tự hoại, bùn thải,...*) và chất thải nguy hại (*tro bay, bùn từ xử lý nước thải,...*). Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh: 23.213,743 tấn/năm.

+ Phương án thu gom, xử lý: Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung liên quan đến phương án thu gom, xử lý chất thải đã được Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến tại Công văn số 324/SKHCN-QCN ngày 25 tháng 02 năm 2025 liên quan đến hồ sơ thẩm định công nghệ của Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu. Theo đó, lượng tro bay là chất thải nguy hại sẽ được hóa rắn và lưu trữ an toàn tại các bể đóng kén trong khi chờ đợi quyết định xử lý tiếp theo của Nhà nước. Bùn thải có chất thải nguy hại thì quản lý như chất thải nguy hại, không có chất thải nguy hại quản lý bùn thải như chất thải rắn thông thường và tận dụng làm gạch, chất thải nguy hại khác được lưu chứa chất thải nguy hại tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định. Chất thải rắn thông thường có khả năng cháy được (*nhựa, bao bì, giấy và thùng giấy,...*) sẽ được thu gom và mang đi cân và đổ vào hầm rác, không cháy được sẽ được làm gạch hoặc Nhà máy sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

e) Hệ thống cấp điện - chiếu sáng

- Nguồn cấp điện sử dụng cho giai đoạn thi công, vận hành thử nghiệm và vận hành Nhà máy trong trường hợp sự cố: Đấu nối với đường điện 110/22kV trên tuyến đường ranh thị trấn Vĩnh An.

- Tổng công suất phát điện lên hệ thống lưới điện quốc gia 110 kV: 30 mW.
- Tổng công suất cấp điện sử dụng cho các hoạt động của Nhà máy: 1.750 kW.

- Đầu nối vào lưới điện quốc gia: Điện phát sinh từ dự án sẽ truyền về Trạm biến áp. Hệ thống máy phát điện 30 mW được nối vào bus điện áp 10kV, sau đó dẫn về máy biến áp tăng áp, điện áp được tăng từ 10 kV lên 110 kV. Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép từ Trạm nâng áp 6,3/100 kV Nhà máy xử lý rác phát điện Vĩnh Tân đầu chuyển tiếp trên tuyến 110 kV thủy điện Trị An - Kiềm Tân, dây dẫn AC-240 với tổng chiều dài khoảng 800 m.

- Đầu nối vào nguồn điện tự dùng: Hệ thống điện 230/400V được sử dụng cho dự án, thanh cái 10 kV sẽ cấp điện. Máy biến áp hoạt động sẽ cấp nguồn cho các thiết bị điện tự dùng và thiết bị điện khác. Trung tâm thấp áp và Trung tâm điều khiển động cơ sẽ được bố trí hệ thống thấp áp tự dùng, đầu nối bus đơn được sử dụng cho trung tâm thấp áp, máy biến áp tự dùng, gồm 02 máy biến áp 2 x 1.000 kVA.

- Trạm biến áp: Xây dựng 02 Trạm biến áp 22/0,4 kV-1.000 kVA phục vụ điện tự dùng của Nhà máy xử lý rác phát điện và 01 Trạm biến áp 110 kV-31.500 kVA để hòa vào hệ thống điện quốc gia và 01 máy phát điện dự phòng công suất 1.000 kVA.

- Hệ thống đường dây điện hạ thế cấp điện cho dự án: Sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE, tiết diện dây phù hợp, được chôn ngầm trong đất, dọc theo đường giao thông nội bộ, các tủ điện phân phối đến từng vị trí công trình.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm liên hệ ngành điện lực để xác định vị trí đầu nối, công suất,... và các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong quá trình lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật.

g) Hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn tín hiệu chính được ghép nối vào mạng viễn thông tỉnh Đồng Nai thông qua Bưu điện xã Vĩnh Tân.

- Vị trí đầu nối dự kiến được đầu nối tại cổng chính giao với đường ranh thị trấn Vĩnh An.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm liên hệ ngành bưu chính viễn thông để xác định vị trí đầu nối, dung lượng,... và các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong quá trình lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật.

h) Cây xanh: Cây xanh cách ly được bố trí vùng đệm trồng cây đại mộc (*tầng cao*) xen kẽ cây bụi (*tầng thấp*) nhằm giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường của khu vực lân cận; chiều dày của dải cây xanh cách ly là 20 m.

6. Danh mục các hạng mục công trình cần ưu tiên đầu tư xây dựng trong dự án: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật để dự án đi vào hoạt động sớm nhất trong giai đoạn 2025-2030.

7. Quy định quản lý

a) Ban hành quy định quản lý xây dựng kèm theo Đồ án quy hoạch chi tiết

xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, gồm: 03 Chương và 6 Điều. Ngoài ra, còn phải tuân thủ quy định theo pháp luật và các quy định hiện hành, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng có liên quan.

b) Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thực hiện

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu có trách nhiệm công bố công khai nội dung quy hoạch xây dựng theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới theo quy định. Tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cắm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

c) Thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành.

d) Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Tan.

<D:\2025\Vĩnh Cửu\NMXL rác điện\>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Hà